

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hoan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**
Ông **Huỳnh Bá Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thái Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP., xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H** – sinh năm 1979

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức Q**, sinh năm: 1976

Cùng trú tại: **Số C- C M, tổ B, phường H, quận N TP. .**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Lê Thị H** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Q** đăng ký kết hôn vào năm 2002, tại **UBND phường H, quận N, TP Đà Nẵng**; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đã nhiều lần phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp, mỗi người có một quan điểm sống khác nhau.

Nay bà xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Nguyễn Đức Q**.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức Lê N, sinh ngày 25/7/2004 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 25/9/2005. Các con chung, nay đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trước đây bà H có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và chia tài sản chung nhưng tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2024, bà đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Nguyễn Đức Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức Q xác nhận lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn chưa nghiêm trọng. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì có nguyện vọng được đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức Lê N, sinh ngày 25/7/2004 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 25/9/2005. Các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đức Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu: “*Tranh chấp ly hôn*” của bà Lê Thị H đối với ông Nguyễn Đức Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, ông Nguyễn Đức Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đức Q theo thủ tục chung, ông Q phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Đức Q đăng ký kết hôn vào năm 2002, tại UBND phường H, quận N, TP Đà Nẵng; Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà **Lê Thị H** và ông **Nguyễn Đức Q** tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc. Bà **H** cho rằng: Mặc dù chung sống nhưng vợ chồng bất đồng quan điểm, nên cứ lời qua tiếng lại hoài. Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tại phiên tòa, bà **H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Nguyễn Đức Q**.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên bà **H** về tiếp tục sống chung để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà **H** vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết xin được ly hôn đối với ông **Nguyễn Đức Q**.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay đã nửa năm, toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng bà **H** vẫn kiên quyết xin được ly hôn đối với ông **Nguyễn Đức Q**. Nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được và bà **H** đã quyết tâm không tiếp tục sống chung với ông **Q** nữa. Ông **Q**, đã vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, điều đó chứng tỏ ông **Q** không có thiện chí níu kéo mỗi quan hệ hôn nhân của mình. HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà **Lê Thị H** được ly hôn với ông **Nguyễn Đức Q** là thỏa đáng.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là **Nguyễn Đức Lê N**, sinh ngày 25/7/2004 và **Nguyễn Đức B**, sinh ngày 25/9/2005. Các con chung đã trên 18 tuổi nên HĐXX không đề cập đến.

- *Về tài sản chung*: Trước đây, bà **H** có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và chia tài sản chung, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2024, bà đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận. Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX ghi nhận và căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tuyên đình chỉ đối với yêu cầu chia Tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà **Lê Thị H** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” của bà **Lê Thị H** đối với ông **Nguyễn Đức Q**;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn ông Nguyễn Đức Q.

[2] Về con chung: Các con đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung: Tuyên Đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung giữa bà Lê Thị H đối với ông Nguyễn Đức Q.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ, bà Lê Thị H phải chịu

- Hoàn trả lại cho bà H 35.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001564 ngày 14/12/2023, tại cơ quan Thi hành án dân sự quận N, TP Đà Nẵng.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc nhận được bản sao án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Chi cục THADS quận NHS;
- UBND phường Hòa Hải;
- VKSND quận NHS;
- Lưu hồ sơ.

Trần Công Hoan